TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B Đ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐCNHG-DS	*Bù Đốp, ngày 03 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Đức H (H1), bà Nguyễn Thị Â.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện dân sự đề ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Nguyễn Thị Nh,

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1954; địa chỉ: Khu phố A Th, phường A T, thị xã Tr B, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố 3, phường Ph Kh, thành phố B Tr, tỉnh Bến Tre hoặc bà Phùng Hương L, sinh năm 1986; địa chỉ: KP. Th X, TT. Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Người bị kiện:* ông Nguyễn Đức H (H), sinh năm 1976; địa chỉ: ấp T Ph, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: bà Nguyễn Thị Ẩ, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp T Ph, xã Tân Th, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 12 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Đức H (H1) và bà Nguyễn Thị Â có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nhạn số tiền 260.915.000đ (hai trăm sáu mươi triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông H (H1) và bà Â còn phải liên đới trả cho bà Nh tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh BP;
- VKS nhân dân huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Thị Chức